

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIA
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06-3-2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nông Thị Ái Vân

2. Bà Trần Thị Diệp.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Hợi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Đặng Thanh Đ**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: **Khối phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.**

Có mặt.

2. Bị đơn: Chị **Mỗ Thị L**, sinh năm 1993.

Nơi ĐKKHKT: **Khối phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.**

Nơi ở hiện nay: **Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.**

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh **Đặng Thanh Đ** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh **Đặng Thanh Đ** và chị **Mỗ Thị L** được tự do tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương; đăng ký kết hôn tại **UBND thị trấn B, huyện B** ngày 01 tháng 11 năm 2013. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống tại **khối phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn**. Quá trình chung sống với nhau ban đầu rất hạnh phúc. Đến năm 2018, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do chị **Mỗ Thị L** có mối quan hệ ngoài vợ chồng (ngoại tình), mặc dù đã được nhiều lần khuyên bảo nhưng chị **Mỗ Thị L** không thay đổi và đã bỏ về nhà bố mẹ ruột tại **thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn** sinh sống và đi làm thuê. Từ đó đến nay, hai vợ chồng sống ly thân. Vì mục đích hôn nhân của vợ chồng không đạt được, anh **Đặng Thanh Đ** đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị **Mỗ Thị L**.

Về con chung: Có một người con chung là **Đặng Thiên Â**, sinh ngày 26/8/2013. Quá trình sống ly thân con chung do anh **Đặng Thanh Đ** trực tiếp nuôi dưỡng, chị **Mỗ Thị L** không về thăm con, không gửi tiền phụ giúp anh nuôi con, mọi chi phí sinh hoạt, học tập của con chung do anh chu cấp. Khi ly hôn, anh **Đặng Thanh Đ** yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị **Mỗ Thị L** không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về phía bị đơn, chị **Mỗ Thị L** không đến Tòa án tham gia tố tụng. Do đó, không có văn bản trình bày quan điểm trong hồ sơ vụ án. Tòa án đã tiến hành xác minh với **UBND xã T, huyện B** cho biết chị **Mỗ Thị L** sau khi kết hôn về gia đình anh **Đặng Thanh Đ** sinh sống, thi thoảng về thăm gia đình bố mẹ đẻ tại **thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn**.

Đại diện gia đình chị **Mỗ Thị L** cho biết việc kết hôn giữa chị **Mỗ Thị L** và anh **Đặng Thanh Đ** hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn**. Sau khi kết hôn hai vợ chồng thi thoảng về thăm gia đình. Từ năm 2018, phát sinh mâu thuẫn, còn lý do mâu thuẫn như thế nào thì gia đình không biết. Hiện nay chị **Mỗ Thị L** đi làm xa nhà, gia đình vẫn liên lạc với chị qua điện thoại. Các giấy tờ Tòa án triệu tập đều được gia đình thông báo cho chị **Mỗ Thị L** được biết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn chị **Mỗ Thị L** không đến Tòa án tham gia trong quá trình tố tụng và nguyên đơn

anh **Đặng Thanh Đ** có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn anh **Đặng Thanh Đ** đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự như thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Còn bị đơn chị **Mỗ Thị L** vắng mặt không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; qua tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Anh **Đặng Thanh Đ**. Về con chung: Giao con chung là **Đặng Thiên Á**, sinh ngày 26/8/2013 cho anh **Đặng Thanh Đ** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, nợ chung: Chị **Mỗ Thị L** không có văn bản trình bày quan điểm nên để đảm bảo quyền của đương sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn anh **Đặng Thanh Đ** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Anh **Đặng Thanh Đ** khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị **Mỗ Thị L** có chỗ ở tại **thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn**. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, hoãn phiên tòa lần 1 theo quy định pháp luật. Bị đơn chị **Mỗ Thị L** triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị **Mỗ Thị L** là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa anh **Đặng Thanh Đ** và chị **Mỗ Thị L** là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị

trần B, huyện B nên quan hệ hôn nhân giữa anh **Đặng Thanh Đ** và chị **Mỗ Thị L** là hợp pháp. Lời khai của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện hai vợ chồng có mâu thuẫn và chị **Mỗ Thị L** bỏ đi từ năm 2018 đến nay. Như vậy, các đương sự đã thời gian sống ly thân đã lâu, không ai quan tâm chăm sóc ai. Có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa anh **Đặng Thanh Đ** và chị **Mỗ Thị L** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh **Đặng Thanh Đ** yêu cầu ly hôn với chị **Mỗ Thị L** là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Có một người con chung là **Đặng Thiên Á**, sinh ngày 26/8/2013. Nhận thấy, thời gian sống ly thân từ năm 2018 đến nay chị **Mỗ Thị L** không về thăm con, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người mẹ đối với con. Chị **Mỗ Thị L** không có văn bản trình bày quan điểm đối với nội dung này. Trong thời gian sống ly thân anh **Đặng Thanh Đ** đã chăm sóc nuôi dạy con phát triển bình thường. Do đó, việc giao con cho anh **Đặng Thanh Đ** trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là bảo đảm cho việc phát triển của con chung và phù hợp với nguyện vọng của cháu **Đặng Thiên Á** nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh **Đặng Thanh Đ** không yêu cầu chị **Mỗ Thị L** cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, chị **Mỗ Thị L** không có ý kiến gì với nội dung này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Anh **Đặng Thanh Đ** trình bày là không có. Trong quá trình giải quyết vụ án chị **Mỗ Thị L** vắng mặt không có ý kiến gì. Để đảm bảo quyền lợi ích của đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh **Đặng Thanh Đ** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **Đặng Thanh Đ** được ly hôn với chị **Mỗ Thị L**.

2. Về con chung: Giao con chung là **Đặng Thiên Â**, sinh ngày 26/8/2013 cho anh **Đặng Thanh Đ** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị **Mỗ Thị L** có quyền đi lại thăm nom con chung không ai cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

Trường hợp cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc anh **Đặng Thanh Đ** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Xác nhận anh **Đặng Thanh Đ** đã nộp đủ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005666 ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh **Đặng Thanh Đ** có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị **Mỗ Thị L** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND thị trấn Bình Gia, huyện Bình Gia;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Hiệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Ái Vân

Trần Thị Diệp

Dương Thị Hiệt

